

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
TRUNG TÂM CÔNG TÁC XÃ HỘI
VÀ QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 9 năm 2025

Số: 67/TTCTXH&QBTTE-PTCĐ

V/v rà soát đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện và có nhu cầu tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật người khuyết tật, Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị định 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Thực hiện Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang thuộc Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang;

Thực hiện Quyết định số 474/QĐ-SYT ngày 28/8/2025 của Sở Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang;

Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế, có chức năng tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ và cung cấp dịch vụ công tác xã hội, trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật; vận động các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế để thực hiện mục tiêu bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Căn cứ Kế hoạch 66/KH-TTCTXH&QBTTE ngày 12/9/2025 của Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang, nay Trung tâm đề nghị phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang triển khai một số nội dung, cụ thể như sau:

I. Rà soát đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội

1. Đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bao gồm

- Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, không tự lo được cuộc sống, không có người chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo (*Quy định cụ thể tại khoản 1 và 3 Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*).

- Người cao tuổi cô đơn thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không đủ điều kiện sống ở cộng đồng (*Quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 18 của Luật người cao tuổi*).

- Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật đặc biệt nặng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống (*Quy định cụ thể tại Điều 45 của Luật người khuyết tật*).

2. Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp

- Nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn bán, nạn nhân bị cưỡng bức lao động;

- Trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú;

- Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

II. Thủ tục hồ sơ và quy trình tiếp nhận và chế độ chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội

1. Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở đối với đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bao gồm (*Quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*)

(1) Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

(2) Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch;

(3) Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật;

(4) Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV;

(5) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường;

(6) Giấy tờ liên quan khác (nếu có);

(7) Quyết định tiếp nhận của người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội.

2. Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, bao gồm (*Quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*)

(1) Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

(2) Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có);

(3) Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đối tượng;

(4) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nơi đối tượng đang ở hoặc nơi phát hiện thấy cần sự bảo vệ khẩn cấp;

(5) Quyết định tiếp nhận của người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội.

3. Quy trình tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội *(Quy định cụ thể tại Điều 9 của Nghị định 147/2025/NĐ-CP)*

(1) Thẩm quyền quyết định tiếp nhận, đề nghị tiếp nhận đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

(2) Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định như sau:

a) Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ theo mẫu 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và bản sao giấy khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật gửi trực tiếp hoặc qua tổ chức bưu chính hoặc trên môi trường mạng đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy tờ của đối tượng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức xem xét, thực hiện xác thực và chuẩn hóa thông tin liên quan của đối tượng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, có văn bản đề nghị (gửi kèm theo giấy tờ liên quan của người đề nghị) gửi cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội xem xét, quyết định tiếp nhận đối tượng vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở hoặc cung cấp dịch vụ chăm sóc tại cộng đồng;

d) Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan giải quyết thủ tục phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội

(1) Mức trợ cấp nuôi dưỡng (tiền ăn) hằng tháng, cho mỗi đối tượng được hưởng phụ cấp theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

(2) Được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định; được cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày, chăn, màn, chiếu, quần áo mùa hè, quần áo mùa đông, quần áo lót, khăn mặt, giày, dép, bàn chải đánh răng, thuốc chữa bệnh thông thường, vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ; đối tượng trẻ em đang đi học được cấp sách, vở, đồ dùng học tập và các chi phí khác theo quy định.

(3) Khi đối tượng bảo trợ xã hội chết do tuổi già, bệnh tật thì được hỗ trợ chi phí tiền mai táng theo quy định.

III. Nơi tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đối tượng đề nghị

Qua triển khai rà soát trên địa bàn các xã, phường có đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện và có nguyện vọng được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang; đề nghị Ủy ban nhân

dân các xã, phường lập hồ sơ đề nghị gửi về: **Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang**, địa chỉ: TDP 6 Hưng Thành, xã An Tường, tỉnh Tuyên Quang, điện thoại: 0207 3872 227, hoặc liên hệ trực tiếp đ/c Mai Hồng Sơn, điện thoại: 0976352709 cán bộ phụ trách lĩnh vực Công tác xã hội.

Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang trân trọng đề nghị phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang rà soát, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y Tế (Báo cáo);
- Phòng Bảo trợ xã hội;
- Các phòng chuyên môn Trung tâm;
- Lưu: VT-TVPTCĐ (Sơn).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Công